

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN HUY PHÒNG* - NGUYỄN NGỌC VĨNH**

Tóm tắt: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra mục tiêu đến năm 2030 hình thành và phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, đặc biệt là công nghiệp văn hóa số đạt mức cao của thế giới. Bài viết góp phần tìm hiểu công nghiệp văn hóa số, những lợi thế và thách thức đặt ra đối với công nghiệp văn hóa số, đồng thời, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa số trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đất nước.

Từ khóa: Nghị quyết số 57-NQ/TW, công nghiệp văn hóa số, kỷ nguyên vươn mình.

Abstract: Resolution No. 57-NQ/TW dated December 22, 2024 of the 13th Politburo on breakthroughs in science, technology, innovation and national digital transformation sets the goal of forming and developing a digital government, digital economy, digital society, digital citizens, especially a world-class digital cultural industry by 2030. This article contributes to the understanding of the digital cultural industry, the advantages and challenges facing the digital cultural industry, and proposes a number of solutions to promote the digital cultural industry in the era of national rise.

Keywords: Resolution No. 57-NQ/TW, digital cultural industry, era of national rise.

1. Vai trò của công nghiệp văn hóa số

Sự ra đời của ngành công nghiệp văn hóa (CNVH) ở Việt Nam đánh dấu quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa đối với quá trình phát triển nền kinh tế quốc gia. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng, đóng vai trò là “sức mạnh mềm” quốc gia.

Trong các văn kiện của Đảng, ý tưởng về phát triển CNVH được manh nha từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Khi bàn về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, Nghị quyết khẳng định: “Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế” (1). Đồng thời, khi đề xuất một trong các giải pháp lớn để phát triển nền văn hóa dân tộc, Đảng đề ra *Chính sách kinh tế trong văn hóa* nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng

kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa, và đảm bảo yêu cầu chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. *Chính sách văn hóa trong kinh tế* bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa (2).

Thuật ngữ “Công nghiệp văn hóa” lần đầu được đề cập đến trong Quyết định số 581/QĐ-TTg, ngày 6-5-2009 phê duyệt *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020* do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Khi đề cập đến bối cảnh quốc tế tác động đến sự phát triển nền văn hóa dân tộc, *Chiến lược* đã đề cập đến xu hướng phát triển CNVH của các quốc gia và nhấn mạnh: “Phát triển công nghiệp văn hóa đang là xu thế lớn và quan trọng trong chính sách văn hóa của các nước trên thế giới. Sự hội tụ giữa thông tin, viễn thông và tin học là một xu hướng có tác động mạnh đến lĩnh vực văn hóa”.

Tuy nhiên, phải đến Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 6-9-2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa

XI về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, thuật ngữ phát triển “Công nghiệp văn hóa” mới chính thức được đề cập trong Văn kiện của Đảng. Nghị quyết nhấn mạnh: *Phát triển CNVH đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa.*

Cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, năm 2016 Chính phủ đã phê duyệt *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Chiến lược xác định 12 ngành thuộc CNVH, gồm: Quảng cáo; Kiến trúc; Phần mềm và các trò chơi giải trí; Thủ công mỹ nghệ; Thiết kế; Điện ảnh; Xuất bản; Thời trang; Nghệ thuật biểu diễn; Mỹ thuật; Nhiếp ảnh và Triển lãm; Du lịch văn hóa.

Phát biểu tại *Hội nghị Văn hóa toàn quốc* năm 2021, khi đề cập đến một trong các nhiệm vụ trọng tâm để tiếp tục xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa dân tộc, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa số: *Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh* (3).

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước đứng trước những thời cơ, vận hội mới. Đặc biệt trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đã và đang tác động, chi phối, thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó ngành CNVH.

Phát triển CNVH số là một quan điểm mới lần đầu được đề cập trong Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị khóa XIII, nhằm nhấn mạnh đến tính tất yếu mang tính khách quan, là quy luật không thể đảo ngược của việc “số hóa” đối với ngành CNVH.

CNVH số là quá trình ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong toàn bộ các khâu, các chu trình từ sáng tạo, sản xuất, kinh doanh, phân phối đến tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ CNVH, thúc đẩy CNVH phát triển, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của công chúng, đồng thời quảng bá vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế.

Phát triển CNVH số góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc gia, giải quyết công ăn việc

làm, nâng cao trình độ tay nghề, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, cùng các nguồn lực, lĩnh vực khác đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

2. Những lợi thế trong phát triển công nghiệp văn hóa số

Tiềm năng về thị trường CNVH số

Việt Nam đang bước vào thời kỳ dân số vàng với dân số trung bình năm 2023 đạt 100,3 triệu người, trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý IV năm 2023 là 52,5 triệu người (chiếm trên 50%) (4). Lực lượng lao động trẻ, ngày càng được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn, tay nghề cao là một lợi thế lớn cho phát triển CNVH số. Thế hệ trẻ là lớp người năng động, có nhiều ý tưởng, phát minh, sáng chế về khoa học, công nghệ, cũng như những sáng tạo, cách tân về nghệ thuật với tinh thần “Phù Đổng”, khát vọng tuổi trẻ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tiên phong, dẫn đầu trong mọi hoạt động, phong trào.

Cơ cấu “dân số vàng” là một lợi thế trong quá trình phát triển, đó là nơi cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho CNVH số. Từ thực tiễn và qua những nghiên cứu, đánh giá của các học giả trong và ngoài nước cho rằng, một trong những phẩm chất nổi bật của người Việt là tinh thần yêu nước, trí thông minh, đức tính cần cù, sáng tạo, đoàn kết, có ý chí và khát vọng vươn lên.

Những năm qua cùng với sự phát triển của đất nước, chỉ số phát triển con người Việt Nam (HDI) luôn tăng cao. Theo báo cáo của Tổ chức UNDP (Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc): “Giá trị HDI của Việt Nam năm 2022 là 0,726, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ. Từ năm 1990 đến năm 2022, giá trị HDI của Việt Nam thay đổi từ 0,492 lên 0,726, tăng gần 50%” (5). Về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, theo Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), năm 2024 Việt Nam được xếp hạng 44/ 133 quốc gia, nền kinh tế; tăng 2 bậc so với năm 2023. Việt Nam tiếp tục có sự cải thiện thứ hạng đầu vào đổi mới sáng tạo, tăng 4 bậc so với năm 2023, từ vị trí 57 lên 53 (đầu vào đổi mới sáng tạo gồm 5 trụ cột: Thể chế, Nguồn nhân lực và nghiên cứu, Cơ sở hạ tầng, Trình độ phát triển của thị trường, Trình độ phát triển của doanh nghiệp) (6).

Sự thông minh, nhạy bén với cái mới của người Việt Nam là yếu tố thuận lợi để ngành CNVH số khai thác, tận dụng và phát huy, nhằm không ngừng

đổi mới sáng tạo, đưa khoa học, công nghệ thâm thấu, hiện diện trong tất cả các chu trình của ngành CNVH số.

Dân số đông, nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ của CNVH số đa dạng, thúc đẩy sự hình thành thị trường về CNVH số với các dịch vụ cung - cầu. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phân phối, tiêu dùng diễn ra sôi động, đòi hỏi CNVH số phải không ngừng đổi mới, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, hấp dẫn, thu hút người tiêu dùng ở trong và ngoài nước, nhất là du khách quốc tế.

Tiềm năng về nền văn hóa độc đáo, đa dạng, giàu bản sắc

Việt Nam có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời. Trải qua quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, các thế hệ cha anh đã sáng tạo, vun đắp nên nền văn hóa độc đáo, đặc sắc, kết tinh ở hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Nhiều địa danh lịch sử, nhiều di sản truyền thống đã vượt qua biên giới quốc gia trở thành di sản văn hóa thế giới, di sản văn hóa đại diện của nhân loại.

Việt Nam có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng, ở ngã ba đường thông thương quốc tế, cửa ngõ đi vào khu vực Đông Nam Á. Việt Nam sở hữu đường bờ biển dài với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Trên dải đất hình chữ S chạy dài từ đỉnh Lũng Cú (nay là Tuyên Quang) đến mũi Cà Mau là sự sinh sống, định cư của 54 dân tộc anh em. Mỗi một tộc người là một sắc màu văn hóa với những phong tục tập quán, tín ngưỡng, tri thức dân gian bản địa độc đáo. Là quốc gia có truyền thống nông nghiệp trồng lúa nước, những nét đặc trưng trong văn hóa sinh kế, văn hóa cư trú, văn hóa tâm linh, văn hóa làng nghề, văn hóa trang phục, văn hóa âm thực... có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước. Đây là kho tàng trí tuệ, là nguồn tài nguyên nhân văn vô giá để CNVH số dựa vào đó khai thác, phát huy trên nền tảng của khoa học, công nghệ, môi trường số, mang đến cho văn hóa những giá trị, diện mạo và sức sống mới.

Tiềm năng về hạ tầng công nghệ số

Việt Nam gia nhập mạng internet toàn cầu năm 1997, sau đó nhanh chóng trở thành một những quốc gia hàng đầu trong khu vực và quốc tế về tốc độ phát triển hạ tầng công nghệ viễn thông, khả năng phủ sóng internet, tỷ lệ người dùng internet và mạng xã hội không ngừng tăng cao với các trang thiết bị di động, nghe nhìn ngày càng tân tiến, hiện đại.

Là quốc gia đi sau trong phát triển khoa học công nghệ, Việt Nam có nhiều lợi thế để tiếp thu bài học kinh nghiệm từ các quốc gia thành công. Đồng thời tích cực chuyển giao công nghệ, từ đó rút ngắn khoảng cách phát triển.

CNVH số ra đời và phát triển dựa trên hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại. Trong CNVH số, yếu tố khoa học, công nghệ đóng vai trò quan trọng để người nghệ sĩ, nhà sản xuất, kinh doanh tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa mới với sự gắn kết, hòa quyện giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa nội dung phong phú và hình thức hấp dẫn, mang lại những điều mới mẻ, thú vị, hấp dẫn công chúng tiêu dùng.

Những thành tựu trong phát triển CNVH thời gian qua

Sau 8 năm tích cực triển khai *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa* (Chính phủ ban hành năm 2016), các ngành CNVH như: Điện ảnh, Du lịch văn hóa, Nghệ thuật biểu diễn, Quảng cáo, Phần mềm và trò chơi giải trí... đã có sự tăng tốc, bứt phá, cho ra đời nhiều tác phẩm, loại hình dịch vụ mới, đáp ứng tốt thị trường tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ CNVH. Về đóng góp của các ngành CNVH vào GDP, theo số liệu thống kê, năm 2015 các ngành CNVH đóng góp 2,68% GDP; năm 2018 đóng góp khoảng 3,61% GDP. Trong giai đoạn từ năm 2018-2022, giá trị sản xuất của các ngành CNVH Việt Nam đóng góp ước đạt 1,059 triệu tỷ đồng (44 tỷ USD). Trong 5 năm qua, bình quân tốc độ tăng trưởng về số lượng các cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành CNVH đạt 7,21%/ năm. Chỉ tính riêng năm 2022, thống kê có khoảng 70.321 cơ sở đang hoạt động có liên quan đến ngành CNVH và bình quân lực lượng lao động thu hút khoảng 1,7 triệu đến 2,3 triệu người, tăng 7,44%/ năm” (7).

Những thành tựu, kết quả bước đầu đạt được ghi dấu những nỗ lực, cố gắng của lĩnh vực CNVH qua việc khai thác, phát huy nguồn vốn văn hóa truyền thống, sức sáng tạo của con người Việt Nam, cộng với sự hỗ trợ đắc lực của khoa học, công nghệ, góp phần định vị vai trò của ngành CNVH trong việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, cũng như gia tăng giá trị kinh tế, lợi nhuận, nguồn thu lớn cho ngân sách quốc gia, đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững.

Sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước

Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã xây dựng, ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển

CNVH, hướng đến phát triển CNVH số. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam” (8).

Sau hơn 7 năm triển khai *Chiến lược về phát triển công nghiệp văn hóa*, Chính phủ đã tổ chức Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành CNVH Việt Nam (ngày 22-12-2023), ban hành Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 28-9-2024 về phát triển các ngành CNVH Việt Nam, đồng thời giao cho Bộ VH-TT-DL chủ trì xây dựng *Dự thảo Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Dự thảo đề ra mục tiêu đến năm 2030, các ngành CNVH đóng góp 7% GDP; đến năm 2045 đóng góp 9% GDP, thu hút 6 triệu lao động, trở thành quốc gia phát triển về CNVH trong khu vực châu Á và khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ CNVH thế giới.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đã từng bước đổi mới, hoàn thiện về mặt thể chế, đặc biệt là công tác xây dựng pháp luật, ban hành các bộ luật mới dành riêng cho các ngành CNVH, cụ thể như: Luật Điện ảnh, Luật Quảng cáo, Luật Xuất bản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Du lịch, Luật Di sản văn hóa... đồng thời không ngừng chỉnh sửa, bổ sung những điều khoản mới, bãi bỏ những quy định đã trở nên bất cập; xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, hiện đại; tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế, nguồn lực, trong cơ chế phối hợp giữa các bộ ngành, trong hợp tác công - tư; từ đó khơi thông, thúc đẩy CNVH số phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có.

3. Những thách thức trong phát triển công nghiệp văn hóa số

CNVH là ngành kinh tế mới, có nhiều điểm khác biệt so với các ngành công nghiệp khác. Hiện nay, nhận thức và đánh giá của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, một số cơ quan, bộ ngành về vai trò, vị trí của CNVH vẫn chưa thực sự đầy đủ, toàn diện. Việc dịch chuyển từ CNVH đơn thuần sang CNVH số mở ra những cơ hội, cũng như những khó khăn, thách thức cần phải vượt qua.

Một rào cản đối với CNVH số đó là thể chế, cơ chế, chính sách còn chưa đồng bộ, thiếu bộ luật dành riêng cho phát triển CNVH nói chung và CNVH số nói riêng.

CNVH số bao gồm nhiều ngành nghề, lĩnh vực, cả truyền thống và hiện đại, liên quan nhiều cơ quan, bộ ngành chủ quản và chính quyền các địa phương. Tuy nhiên, cơ chế phối kết hợp giữa các bộ, ngành chưa được xác định cụ thể, vẫn còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong phối hợp phát triển CNVH.

CNVH số là sự kết hợp hài hòa giữa nguồn vốn văn hóa và công nghệ số với phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng diễn ra chủ yếu trên môi trường mạng. CNVH số đòi hỏi tính mới, tính sáng tạo với những phát minh, sáng chế không ngừng được ra đời, liên quan trực tiếp đến bản quyền và sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, vấn đề bảo hộ, bảo vệ quyền tác giả và các quyền liên quan khác ở nước ta vẫn chưa được thực thi nghiêm. Tình trạng xâm phạm, vi phạm bản quyền trên không gian mạng diễn ra thường xuyên, khó kiểm soát. Hiện tượng cắt xén, đạo văn, đạo nhạc, sử dụng không xin phép, không trích dẫn xuất xứ diễn ra tràn lan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường kinh doanh lành mạnh đối với ngành CNVH.

Văn hóa nói chung và CNVH nói riêng thiên về những sáng tạo về mặt tinh thần, do đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ, những người có tài năng đảm nhiệm chính. Để tạo ra một xuất bản phẩm mới trong lĩnh vực CNVH đòi hỏi thời gian dài để người nghệ sĩ thai nghén, hình thành ý tưởng. Bên cạnh đó để đào tạo, bồi dưỡng được một nghệ sĩ tài năng là cả một quá trình dài khổ luyện để thành tài, từ đó mới cho ra đời những tác phẩm lớn, ý nghĩa. Do tính chất đặc thù đó mà nhiều công ty, doanh nghiệp, tập đoàn e ngại khi quyết định đầu tư vào lĩnh vực CNVH vì những rủi ro cũng như hiệu quả, lợi nhuận mang lại khó có thể định lượng chính xác như dự toán ban đầu.

Một khó khăn đối với CNVH số là vấn đề nguồn nhân lực chất lượng cao. Hiện nay, tỷ lệ lao động được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ, tay nghề còn thấp, chủ yếu là nhân công lao động thủ công, thời vụ; thiếu đội ngũ những chuyên gia, nhà khoa học, các nghệ sĩ, diễn viên có tầm ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực CNVH.

Thời gian qua, việc ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào CNVH đạt được nhiều thành tựu, mang lại những hiệu ứng tích cực trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, quá trình vận dụng khoa học, công nghệ vào lĩnh vực văn hóa, cũng như chuyển hóa nguồn tài nguyên văn hóa thành những sản phẩm có giá trị và hàm lượng kinh tế cao chưa thực sự bền vững, thiếu tầm nhìn và chiến lược dài hạn. Vẫn còn

tình trạng lạm dụng khoa học, công nghệ; tình trạng khai thác tối đa giá trị, lợi ích kinh tế từ nguồn lực di sản văn hóa để phục vụ cho các mục đích thuần túy thương mại, dịch vụ.

CNVH số sẽ dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, diễn ra chủ yếu trên môi trường số. Đây là không gian mở với sự tương tác, chia sẻ lớn, thu hút nhiều lượt, lượng người tham gia. Một người có thể sử dụng nhiều tài khoản khác nhau, đến nhiều vùng miền, quốc gia, lãnh thổ. Điều này đặt ra nhiều thách thức đối với công tác quản lý, quản trị, điều hành và định hướng thẩm mỹ đối với các cơ quan chức năng.

Phát triển CNVH số mà thiếu cơ chế, chính sách và công cụ quản lý minh bạch, khách quan, hiện đại thì khó có thể kiểm soát tốt thị trường CNVH số. Trong bối cảnh giao lưu, hội nhập toàn cầu, nếu nền CNVH số của Việt Nam không đủ mạnh sẽ bị lấn át, chi phối từ các sản phẩm, dịch vụ, loại hình văn hóa mới đến từ bên ngoài, trong đó có nhiều tác phẩm có nội dung thiếu lành mạnh, xấu độc. Điều này nếu không được kiểm soát tốt sẽ dẫn đến tâm lý sinh ngoại, chạy theo xu hướng, thị hiếu nhất thời, đặt ra những thách thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đe dọa trực tiếp đến an ninh văn hóa, an ninh con người.

4. Một số giải pháp phát triển công nghiệp văn hóa số trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Việt Nam có nhiều cơ hội, tiềm năng, lợi thế để phát triển CNVH số. Tuy nhiên, để CNVH số phát triển đúng định hướng, đảm bảo được các yêu cầu, mục tiêu đề ra cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có những giải pháp cơ bản như:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế về phát triển CNVH nói chung và CNVH số nói riêng, trong đó điểm mấu chốt là xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế để CNVH số phát triển thuận lợi, góp phần đưa sản phẩm CNVH số đến với bạn bè, du khách trong và ngoài nước.

Trước mắt cần nghiên cứu, định vị rõ tính chất, đặc trưng, xu thế và tiềm năng phát triển thị trường CNVH số ở Việt Nam, từ đó xây dựng cơ chế, chính sách dành riêng cho ngành CNVH số, tránh sự chồng chéo, trùng lặp giữa các bộ luật.

CNVH số liên quan trực tiếp đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Vì thế trong chính sách tổng thể phát triển kinh tế quốc gia cần đặt CNVH số ở vị trí tương xứng, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, động lực cho tăng trưởng, phát triển nền kinh tế quốc gia.

Thứ hai, đầu tư nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ các chuyên gia, nhà khoa học, trí thức văn nghệ sĩ có năng lực, trình độ, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới.

CNVH số là ngành công nghiệp tổng hợp, hay có thể gọi là ngành kinh tế nhân văn, kinh tế xanh. Vì thế đòi hỏi nguồn nhân lực đủ mạnh với đội ngũ các nhà lãnh đạo, quản lý có tâm, có tầm nhìn, tư duy chiến lược, nhạy bén, có kỹ năng quản trị thông minh trong bối cảnh thế giới luôn biến đổi.

Có cơ chế, chính sách trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ, các tài năng nghệ thuật, nhất là tài năng trẻ, tài năng trong các loại hình nghệ thuật truyền thống. Có chính sách ưu đãi, tôn vinh, khen thưởng xứng đáng đối với đóng góp, cống hiến của các nghệ nhân.

Xây dựng và hình thành thể chế đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực CNVH số nhằm huy động tối đa nguồn lực, sức mạnh, ý tưởng sáng tạo và những đóng góp về nguồn vốn đầu tư từ các cá nhân, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp ở trong và ngoài nước để cùng chia sẻ với Nhà nước trong phát triển CNVH số.

Thứ ba, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các thiết chế đồng bộ, hiện đại, phù hợp, tạo động lực cho CNVH số phát triển. Hạt nhân của CNVH số là tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng khởi nghiệp với mong muốn cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên nguồn tài nguyên văn hóa và khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Trong quy hoạch, chính quyền các địa phương cần dành những ưu tiên về quỹ đất ở những nơi hợp lý để xây dựng, hình thành các trung tâm, các không gian sáng tạo, không gian khởi nghiệp, công viên trí thức... để trí thức, văn nghệ sĩ và các tài năng nghệ thuật có địa điểm gặp gỡ, chia sẻ, thảo luận, hình thành những ý tưởng mới. Đồng thời quan tâm, đầu tư xây dựng hệ thống các thiết chế văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, trường quay...), bảo tồn tốt các không gian di sản văn hóa, không gian làng nghề thủ công truyền thống, các khu đô thị cổ, các bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, tạo điều kiện để ngành Du lịch văn hóa - một trong những ngành quan trọng, có nhiều tiềm năng trong phát triển CNVH số.

Quan tâm, đầu tư và hiện đại hóa các trang thiết bị, hình thành các công ty, doanh nghiệp chuyên về phát triển CNVH số.

(xem tiếp trang 27)

4, 8. Appadurai, Arjun, *Modernity at Large: Cultural Dimensions of Globalization (Hiện đại nói chung: Các chiều kích văn hóa của toàn cầu hóa)*, Nxb Đại học Minnesota, 1996, tr.27, 47.

9. Durkheim, Émile, *The Elementary Forms of Religious Life (Các hình thức cơ bản của đời sống tôn giáo)*, Translated by Karen E. Fields, New York: Free Press, 1995, tr.206-238.

Tài liệu tham khảo

1. Nora, Pierre, *Between Memory and History: Les Lieux de Mémoire (Giữa ký ức và lịch sử: Les Lieux de Mémoire)*, *Representations* 26 (Spring 1989), tr.7-24.

2. Kendall, Laurel, *Shamans, Nostalgias, and the IMF: South Korean Popular Religion in Motion (Tôn giáo phổ biến của Hàn Quốc đang chuyển động)*, University of Hawaii Press, Honolulu, 2009.

3. Nguyễn Thị Hiền, *Nghệ thuật và ma lực: một lý thuyết nhân học*, *tapchivanhoahoc.com.vn*, 7-10-2024.

4. Nhiều tác giả, *Kỷ yếu hội thảo Bảo vệ và phát huy giá trị di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người*

Việt trong bối cảnh hiện nay, Tài liệu nội bộ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức, ngày 15,16-8-2022; Phạm Lan Oanh, *Từ lộ trình ghi danh di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt ở Việt Nam*, tham luận Hội thảo *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Viện Nghiên cứu văn hóa Thăng Long tổ chức, Hà Nội, 15-10-2022.

5. Nhiều tác giả, *Đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình hành động quốc gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Kỷ yếu hội nghị - hội thảo do Cục Di sản Văn hóa tổ chức, Tài liệu nội bộ, thành phố Hưng Yên, 7-12-2022.

6. Hồ sơ ứng cử quốc gia vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2015.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-5-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 15-6-2025; Ngày duyệt đăng: 25-6-2025.

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA SỐ...

(tiếp theo trang 12)

Thứ tư, đây mạnh, tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển CNVH số. Hiện nay, nhiều quốc gia trong khu vực và quốc tế đã xây dựng và định vị được thương hiệu, bản sắc riêng của ngành CNVH với chiến lược và hướng đi cụ thể. Việt Nam cần ra sức học tập, tiếp thu và chuyển giao công nghệ từ bài học thành công của các quốc gia có nền CNVH phát triển, từ đó xây dựng và lựa chọn cho mình hướng đi phù hợp dựa trên giá trị, truyền thống và bản sắc văn hóa riêng, độc đáo.

Trong 12 ngành CNVH, Việt Nam cần ưu tiên lựa chọn các ngành có tiềm năng, lợi thế như: Phần mềm và các trò chơi giải trí, Quảng cáo, Điện ảnh, Du lịch văn hóa, Nghệ thuật biểu diễn... để đầu tư. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, nhân rộng và áp dụng đối với các ngành CNVH khác.

Hiện nay, nhiều quốc gia cho rằng CNVH là ngành kinh tế sáng tạo, CNVH số, công nghiệp bản quyền gắn liền với sở hữu trí tuệ và những phát minh, sáng chế. Trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, việc đẩy nhanh phát triển ngành CNVH số là xu thế tất yếu để Việt Nam đi tắt, đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển để cùng các nguồn lực, các ngành kinh tế khác đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, đáp ứng những yêu cầu của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đất nước ■

N.H.P-N.N.V

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tập 57, tr.304, 317-318.

3. Nguyễn Phú Trọng, *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr.46.

4. Tổng Cục thống kê, *Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động việc làm quý IV và năm 2023*, Hà Nội, 29-12-2023.

5. Mạnh Hùng, *Việt Nam nằm trong nhóm cao về Chỉ số phát triển con người (HDI)*, *dangcongsan.vn*, 14-3-2024.

6. Hoàng Giang, *Việt Nam tiếp tục thăng hạng chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu*, *baohinhphu.vn*, 26-9-2024.

7. Thế Công, *Để văn hóa thực sự trở thành ngành công nghiệp phát triển - Bài 1: Chủ trương đúng đắn*, *bvhttdl.gov.vn*, 1-4-2024.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.145.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 16-5-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 26-6-2025; Ngày duyệt đăng: 2-7-2025.